

Chi tiết mã HS 3917

|                     |                                                                                                                               |
|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mã HS               | 3917                                                                                                                          |
| Mô tả hàng hóa      | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic |
| Đơn vị              |                                                                                                                               |
| Thời điểm tạo       | 30/10/2026 23:53:09                                                                                                           |
| Phiên bản dữ liệu   | 2026.04.05 - BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx                                                                                    |
| Trạng thái xác minh | Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.              |
| Liên kết            | <a href="https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/3917/">https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/3917/</a>                       |

40 dòng thuế thuộc 3917

| Mã HS      | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị     | Thuế NK thông thường | MFN | VAT                |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------|-----|--------------------|
| 3917.10.10 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ruột nhân tạo (vỏ xúc xích) bằng protein đã làm cứng hoặc bằng chất liệu xenlulo: / - - Từ protein đã được làm cứng | kg/m/chiếc | 15%                  | 10% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 3917.10.90 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ruột nhân tạo (vỏ xúc xích) bằng protein đã làm cứng hoặc bằng chất liệu xenlulo: / - - Loại khác                   | kg/m/chiếc | 15%                  | 10% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 3917.21.00 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi, loại cứng: / - - Bằng các polyme từ etylen                                                 | kg/m/chiếc | 22,5%                | 15% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 3917.22.00 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi, loại cứng: / - - Bằng các polyme từ propylen                                               | kg/m/chiếc | 22,5%                | 15% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 3917.23.00 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi, loại cứng: / - - Bằng các polyme từ vinyl clorua                                           | kg/m/chiếc | 25,5%                | 17% | 8 / 10 (nhiều mức) |

| Mã HS      | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị         | Thuế NK<br>thông<br>thường | MFN | VAT                      |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------------|-----|--------------------------|
| 3917.29.11 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi, loại cứng: / - - Bằng plastic khác: / - - - Được gia công hơn mức gia công bề mặt đơn thuần: / - - - - Từ các polyme trùng hợp khác (SEN)                                                                                                                 | kg/m/<br>chiếc | 25,5%                      | 17% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.29.19 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi, loại cứng: / - - Bằng plastic khác: / - - - Được gia công hơn mức gia công bề mặt đơn thuần: / - - - - Loại khác (SEN)                                                                                                                                    | kg/m/<br>chiếc | 25,5%                      | 17% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.29.21 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi, loại cứng: / - - Bằng plastic khác: / - - - Loại khác: / - - - - Từ các polyme trùng hợp khác                                                                                                                                                             | kg/m/<br>chiếc | 25,5%                      | 17% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.29.22 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi, loại cứng: / - - Bằng plastic khác: / - - - Loại khác: / - - - - Từ nhựa phenolic                                                                                                                                                                         | kg/m/<br>chiếc | 25,5%                      | 17% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.29.23 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi, loại cứng: / - - Bằng plastic khác: / - - - Loại khác: / - - - - Từ nhựa amino; từ protein đã được làm cứng; từ các dẫn xuất hóa học của cao su tự nhiên                                                                                                  | kg/m/<br>chiếc | 25,5%                      | 17% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.29.24 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi, loại cứng: / - - Bằng plastic khác: / - - - Loại khác: / - - - - Từ nitrat xenlulo, các acetat xenlulo và các dẫn xuất hóa học khác của xenlulo, đã hóa dẻo; từ sợi lưu hóa                                                                               | kg/m/<br>chiếc | 25,5%                      | 17% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.29.25 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi, loại cứng: / - - Bằng plastic khác: / - - - Loại khác: / - - - - Từ các polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp khác                                                                                                                                          | kg/m/<br>chiếc | 25,5%                      | 17% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.29.29 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi, loại cứng: / - - Bằng plastic khác: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác                                                                                                                                                                                | kg/m/<br>chiếc | 25,5%                      | 17% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.31.11 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi khác: / - - Ống, ống dẫn và ống vòi, loại mềm, có áp suất bực tối thiểu là 27,6 MPa: / - - - Được gia công hơn mức gia công bề mặt đơn thuần: / - - - - Từ các polyme trùng hợp (SEN)                                                                      | kg/m/<br>chiếc | 22,5%                      | 15% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.31.12 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi khác: / - - Ống, ống dẫn và ống vòi, loại mềm, có áp suất bực tối thiểu là 27,6 MPa: / - - - Được gia công hơn mức gia công bề mặt đơn thuần: / - - - - Từ nhựa amino; từ nhựa phenolic; từ sợi lưu hóa; từ các dẫn xuất hóa học của cao su tự nhiên (SEN) | kg/m/<br>chiếc | 22,5%                      | 15% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |

| Mã HS      | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị         | Thuế NK<br>thông<br>thường | MFN | VAT                      |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------------|-----|--------------------------|
| 3917.31.19 | Các loại ống, ống dẫn và ống vôi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vôi khác: / - - Ống, ống dẫn và ống vôi, loại mềm, có áp suất bức tối thiểu là 27,6 MPa: / - - - Được gia công hơn mức gia công bề mặt đơn thuần: / - - - - Loại khác (SEN)                                                                                                                         | kg/m/<br>chiếc | 22,5%                      | 15% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.31.21 | Các loại ống, ống dẫn và ống vôi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vôi khác: / - - Ống, ống dẫn và ống vôi, loại mềm, có áp suất bức tối thiểu là 27,6 MPa: / - - - Loại khác: / - - - - Từ các polyme trùng hợp                                                                                                                                                       | kg/m/<br>chiếc | 22,5%                      | 15% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.31.23 | Các loại ống, ống dẫn và ống vôi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vôi khác: / - - Ống, ống dẫn và ống vôi, loại mềm, có áp suất bức tối thiểu là 27,6 MPa: / - - - Loại khác: / - - - - Từ nhựa amino; từ nhựa phenolic; từ các dẫn xuất hóa học của cao su tự nhiên                                                                                                  | kg/m/<br>chiếc | 22,5%                      | 15% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.31.24 | Các loại ống, ống dẫn và ống vôi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vôi khác: / - - Ống, ống dẫn và ống vôi, loại mềm, có áp suất bức tối thiểu là 27,6 MPa: / - - - Loại khác: / - - - - Từ sợi lưu hóa                                                                                                                                                                | kg/m/<br>chiếc | 22,5%                      | 15% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.31.25 | Các loại ống, ống dẫn và ống vôi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vôi khác: / - - Ống, ống dẫn và ống vôi, loại mềm, có áp suất bức tối thiểu là 27,6 MPa: / - - - Loại khác: / - - - - Từ các polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp khác; từ nitrat xenlulo, các acetat xenlulo và các dẫn xuất hóa học khác của xenlulo, đã hóa dẻo                                   | kg/m/<br>chiếc | 22,5%                      | 15% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.31.29 | Các loại ống, ống dẫn và ống vôi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vôi khác: / - - Ống, ống dẫn và ống vôi, loại mềm, có áp suất bức tối thiểu là 27,6 MPa: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác                                                                                                                                                                     | kg/m/<br>chiếc | 22,5%                      | 15% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.32.10 | Các loại ống, ống dẫn và ống vôi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vôi khác: / - - Loại khác, chưa gia cố hoặc kết hợp với vật liệu khác, không kèm các phụ kiện: / - - - Vỏ xúc xích hoặc vỏ giảm bông                                                                                                                                                                | kg/m/<br>chiếc | 15%                        | 10% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.32.20 | Các loại ống, ống dẫn và ống vôi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vôi khác: / - - Loại khác, chưa gia cố hoặc kết hợp với vật liệu khác, không kèm các phụ kiện: / - - - Ống nhựa nhiệt dẻo dùng cho bếp ga (SEN)                                                                                                                                                     | kg/m/<br>chiếc | 25,5%                      | 17% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.32.91 | Các loại ống, ống dẫn và ống vôi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vôi khác: / - - Loại khác, chưa gia cố hoặc kết hợp với vật liệu khác, không kèm các phụ kiện: / - - - Loại khác: / - - - - Được gia công hơn mức gia công bề mặt đơn thuần: / - - - - Từ các polyme trùng hợp; từ nhựa phenolic hoặc nhựa amino; từ các dẫn xuất hóa học của cao su tự nhiên (SEN) | kg/m/<br>chiếc | 25,5%                      | 17% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |

| Mã HS      | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị         | Thuế NK<br>thông<br>thường | MFN | VAT                      |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------------|-----|--------------------------|
| 3917.32.92 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi khác: / - - Loại khác, chưa gia cố hoặc kết hợp với vật liệu khác, không kèm các phụ kiện: / - - - Loại khác: / - - - - Được gia công hơn mức gia công bề mặt đơn thuần: / - - - - - Loại khác (SEN)                                                                                                       | kg/m/<br>chiếc | 25,5%                      | 17% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.32.93 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi khác: / - - Loại khác, chưa gia cố hoặc kết hợp với vật liệu khác, không kèm các phụ kiện: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác: / - - - - - Từ các polyme trùng hợp                                                                                                                                     | kg/m/<br>chiếc | 25,5%                      | 17% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.32.94 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi khác: / - - Loại khác, chưa gia cố hoặc kết hợp với vật liệu khác, không kèm các phụ kiện: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác: / - - - - - Từ nhựa amino hoặc nhựa phenolic; từ các dẫn xuất hóa học của cao su tự nhiên                                                                               | kg/m/<br>chiếc | 25,5%                      | 17% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.32.95 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi khác: / - - Loại khác, chưa gia cố hoặc kết hợp với vật liệu khác, không kèm các phụ kiện: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác: / - - - - - Từ các polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp khác; từ sợi lưu hóa; từ nitrat xenlulo, các acetat xenlulo và các dẫn xuất hóa học khác của xenlulo, đã hóa dẻo | kg/m/<br>chiếc | 25,5%                      | 17% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.32.99 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi khác: / - - Loại khác, chưa gia cố hoặc kết hợp với vật liệu khác, không kèm các phụ kiện: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác: / - - - - - Loại khác                                                                                                                                                   | kg/m/<br>chiếc | 25,5%                      | 17% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.33.10 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi khác: / - - Loại khác, chưa được gia cố hoặc kết hợp với các vật liệu khác, có kèm các phụ kiện: / - - - Loại khác, được gia công hơn mức gia công bề mặt đơn thuần(SEN)                                                                                                                                   | kg/m/<br>chiếc | 22,5%                      | 15% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.33.90 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi khác: / - - Loại khác, chưa được gia cố hoặc kết hợp với các vật liệu khác, có kèm các phụ kiện: / - - - Loại khác                                                                                                                                                                                         | kg/m/<br>chiếc | 22,5%                      | 15% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.39.11 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi khác: / - - Loại khác: / - - - Được gia công hơn mức gia công bề mặt đơn thuần: / - - - - Từ các polyme trùng hợp; từ sợi lưu hóa (SEN)                                                                                                                                                                    | kg/m/<br>chiếc | 22,5%                      | 15% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.39.12 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi khác: / - - Loại khác: / - - - Được gia công hơn mức gia công bề mặt đơn thuần: / - - - - Từ nhựa phenolic hoặc nhựa amino; từ các dẫn xuất hóa học của cao su tự nhiên (SEN)                                                                                                                              | kg/m/<br>chiếc | 22,5%                      | 15% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.39.19 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi khác: / - - Loại khác: / - - - Được gia công hơn mức gia công bề mặt đơn thuần: / - - - - Loại khác (SEN)                                                                                                                                                                                                  | kg/m/<br>chiếc | 22,5%                      | 15% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |

| Mã HS      | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị         | Thuế NK<br>thông<br>thường | MFN | VAT                      |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------------|-----|--------------------------|
| 3917.39.91 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác: / - - - - Từ các polyme trùng hợp; từ sợi lưu hóa                                                    | kg/m/<br>chiếc | 22,5%                      | 15% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.39.92 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác: / - - - - Từ nhựa phenolic hoặc nhựa amino; từ các dẫn xuất hóa học của cao su tự nhiên              | kg/m/<br>chiếc | 22,5%                      | 15% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.39.93 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác: / - - - - Từ các polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp khác                                            | kg/m/<br>chiếc | 22,5%                      | 15% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.39.94 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác: / - - - - Từ nitrat xenlulo, các acetat xenlulo và các dẫn xuất hóa học khác của xenlulo, đã hóa dẻo | kg/m/<br>chiếc | 22,5%                      | 15% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.39.99 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác                                                                                  | kg/m/<br>chiếc | 22,5%                      | 15% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |
| 3917.40.00 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Các phụ kiện                                                                                                                                                           | kg/<br>chiếc   | 22,5%                      | 15% | 8 / 10<br>(nhiều<br>mức) |

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.